

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:04/VH/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

Địa chỉ: Số 1102, ấp Thạnh Phong, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây,
Tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273 523 436 Fax: 0273 523 436

E-mail: info@gaovinhvien.vn

Mã số doanh nghiệp: 1200 528 906

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP : 021/2019/NNPTNT-TG

Ngày cấp: 25/03/2019 /Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và
thuỷ sản tỉnh Tiền Giang

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NẾP CÁI HOA VÀNG

2. Thành phần: 100% NẾP CÁI HOA VÀNG

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

-Đóng gói PE, PA/PE, OPP/PE đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1: 2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 1kg; 2kg; 2,5kg; 3kg; 4kg; 5kg; 10kg.

- Đóng gói trong các bao bì chất liệu PP dệt đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1:2011/BYT về chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 9,07kg; 10kg; 15kg; 18,14kg; 20kg; 25kg; 30kg; 40kg; 50kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): Số 1102, ấp Thạnh Phong, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mặt trước:

- Logo: Gạo Vinh Hiền - Chăm lo bữa cơm gia đình

- DÈO DÍNH, XÔI THƠM

NẾP CÁI HOA VÀNG

- 1KG

- Nếp sạch 3 không

- không chất bảo quản, không chất tạo mùi, không dư lượng thuốc trừ sâu

Mặt sau:

Câu chuyện thương hiệu:

Nếp cái hoa vàng là giống lúa nếp truyền thống nổi tiếng tại các tỉnh Bắc Bộ, có hạt gạo tròn, dẻo, thơm đặc biệt nên thường dùng đồ xôi, làm cơm, làm các loại bánh có sử dụng gạo nếp, làm tương hoặc ủ rượu. Nếp được gọi là "nếp cái hoa vàng" do khi lúa trổ bông, phần hoa có màu vàng chứ không trắng như các loại lúa khác. Giống nếp được tuyển chọn từ vùng trồng nếp nổi tiếng kết hợp với công nghệ sản xuất đạt chuẩn HACCP. Với Nếp cái hoa vàng Vinh Hiền, bữa ăn của gia đình bạn luôn thân mật, an toàn và chất chứa tình yêu thương đồng quê Việt Nam.

-Hướng dẫn sử dụng

bước 1. vo thật sạch sau đó để thật ráo nước

bước 2: đong nước theo tỉ lệ 1 nếp - 0.9 nước. thêm vào 1/5 muỗng cà phê muối cho đậm đà hơn và thêm 1/2 muỗng canh dầu ăn cho hạt xôi khi chín bóng bẩy hơn.

bước 3: Cho vào nồi cơm điện và cắm điện. Nên chọn chế độ nấu lâu (30 - 45 phút) để hạt cơm được chín kỹ và thơm ngon hơn.

Bước 4: Dùng cơm nóng sẽ ngon hơn. Chúc gia đình có những buổi cơm ngon.

Bảo quản: bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ẩm thấp để sinh mối mọt/

Đậy kín thùng gạo sau khi lấy gạo/ Tránh tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời

-THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG:

Khẩu phần 100g

Năng lượng

(Energy) $\geq$ 340Kcal

Carbohydrate $\geq$ 75g

Chất đạm (Protein) $\geq$ 7g

-Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 14.5 %

-Mã vạch sản phẩm: 8938509043285

-NSX:

-HSD: 1 năm kể từ ngày sản xuất

-Hotline: 028 665 999 27

-Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

-Sản xuất và đóng gói tại nhà máy Vinh Hiền: 1102 Quốc lộ 50, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

-Văn phòng HCM : Số 44, đường 41, p. Tân Phong, quận 7, TP.HCm

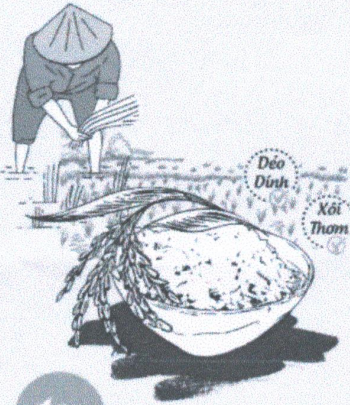
ĐT: (028) 665 999 27 – 0907 282 012

Website: www.gaovinhvien.vn



GAO VINH HIEN
Chăm lo bữa cơm gia đình

Nếp Cái Hoa Vàng



1kg

Nếp sạch 3 không: không chất bảo quản / không chất tạo màu / không dư lượng thuốc trừ sâu



Nếp Cái Hoa Vàng

Nếp cái hoa vàng là giống lúa nếp truyền thống nổi tiếng tại các tỉnh Bắc Bộ, có hạt gạo tròn, dẻo, thơm đặc biệt nên thường dùng nấu xôi, làm cơm, làm các loại bánh có sử dụng gạo nếp, làm tương hoặc ủ rượu. Nếp được gọi là "nếp cái hoa vàng" do khi lúa trổ bông, phần hoa có màu vàng chứ không trắng như các loại lúa khác. Giống nếp được tuyển chọn từ vùng trồng nếp nổi tiếng kết hợp với công nghệ sản xuất đạt chuẩn HACCP. Với Nếp cái hoa vàng Vinh Hiền, bữa ăn của gia đình bạn luôn thơm ngon, an toàn và chất chứa tình yêu thương đồng quê Việt Nam.

Hướng Dẫn Sử Dụng

B1: Vo thật sạch gạo để thật ráo nước.

B2: Đong nước theo tỉ lệ 1 nếp - 0.9 nước. Thấm vào 1.5 muỗng cà phê muối cho dẻo và thêm 1/2 muỗng canh dầu ăn cho hạt nếp khi chín bóng bẩy hơn.

B3: Cho vào nồi cơm điện và nấu chín. Nấu lâu (30-45 phút) để hạt nếp được chín kỹ và thơm ngon hơn.

B4: Dùng nếp nóng sẽ ngon hơn. Chúc gia đình có những bữa ăn nhiều dinh dưỡng.

Bình quân: 100g gạo nếp cái hoa vàng tương đương 100g gạo nếp cái hoa vàng. Đây là sản phẩm gạo nếp cái hoa vàng đạt chuẩn HACCP. Thành phần dinh dưỡng của gạo nếp cái hoa vàng.

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG (tính trên 100g)	
Năng lượng	2540 kcal
Protein	7g
Carbohydrate	75g

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG	
Độ ẩm	14.5%

HOTLINE: 028 665 999 27

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH VINH HIEN
SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI TẠI NHÀ MÁY VINH HIEN
102 Quốc Lộ 58, X. Yên Lương,
H. Gò Công Tây, Tiền Giang

VĂN PHÒNG HCM: 56 44, đường 41,
P. Tân Phong, Quận 7, TP. HCM
ĐT: (028) 665 999 27 - 0907 282 012
Website: www.gaovinhien.vn



MSR: 1 năm kể từ ngày sản xuất

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 50/2016/TT-BYT của Bộ y tế về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vì nấm trong thực phẩm

- QCVN 8-2: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8368:2018 Gạo Nếp Trắng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tiền Giang, ngày 25 tháng 07 năm 2020.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



(Ký tên, đóng dấu)

Huỳnh Văn Danh



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL



ISO/IEC 17025:2017

Số KQ/ Result.No: 20071081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code: TLRP200702991

Ngày/ Date: 23/07/2020

Trang/ Page: 1/4

- Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH VINH HIỀN
Client Name :
- Địa chỉ : Số 1102, ấp Thạnh Phong, xã Yên Lương, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
Address : -
- Thông tin liên lạc : -
Contact Information : -
- Ngày nhận mẫu : 20/07/2020
Date of receipt : 20-Jul-2020
- Ngày phân tích mẫu : 20/07/2020
Date of Performance of Test : 20-Jul-2020
- Ngày trả kết quả : 23/07/2020
Date of Issue : 23-Jul-2020
- Tên mẫu : NÉP CÁI HOA VÀNG
Name of Sample : -
- Mô tả mẫu : Mẫu nếp chứa trong túi nhựa
Sample Description : -
- Ghi chú :
Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HÒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi./ Test results in this test report are valid only for the items tested, coded as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

Số KQ/ Result.No: 20071081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code: TLRP200702991

Ngày/ Date: 23/07/2020

Trang/ Page: 2/4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm Parameter (s)	Kết Quả Result	Đơn Vị Unit	Phương Pháp Thử Test Method	Ghi chú Note
1	Hàm lượng Asen (As) (*)/ Asen (As) (*)	Không phát hiện (LOD = 0.003)/ (Not Detected (LOD = 0.003))	mg/kg	TS-KT-QP-02:2019	
2	Hàm lượng Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện (LOD = 0.003)/ (Not Detected (LOD = 0.003))	mg/kg	TS-KT-QP-02:2019	
3	Hàm lượng Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện (LOD = 0.003)/ (Not Detected (LOD = 0.003))	mg/kg	TS-KT-QP-02:2019	
4	Hàm lượng đạm (*)/ Protein (*)	7.24	%	TS-KT-HCB-001:2018	
5	Béo tổng (*)/ Total fat (*)	0.537	%	TS-KT-HCB-002:2018	
6	Độ ẩm (*)/ Moisture (*)	10.7	%	TS-KT-HCB-005:2018	
7	Năng lượng/ Calories	358	kcal/100g	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)	
8	Carbohydrate (*)/ Carbohydrate (*)	81.1	%	TS-KT-HCB-004:2020	
9	Hàm lượng Aflatoxin B1 (*)/ Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện (LOD = 0.15)/ (Not Detected (LOD = 0.15))	µg/kg	TS-KT-SK-38 (HPLC-RF)	
10	Hàm lượng Aflatoxin B2 (*)/ Aflatoxin B2 (*)	Không phát hiện (LOD = 0.15)/ (Not Detected (LOD = 0.15))	µg/kg	TS-KT-SK-38 (HPLC-RF)	
11	Hàm lượng Aflatoxin G1 (*)/ Aflatoxin G1 (*)	Không phát hiện (LOD = 0.15)/ (Not Detected (LOD = 0.15))	µg/kg	TS-KT-SK-38 (HPLC-RF)	
12	Hàm lượng Aflatoxin G2 (*)/ Aflatoxin G2 (*)	Không phát hiện (LOD = 0.15)/ (Not Detected (LOD = 0.15))	µg/kg	TS-KT-SK-38 (HPLC-RF)	

031421
CỘNG HÒA
KHOA
T
VH PHỐ



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi./ Test results in this test report are valid only for the items tested, coded as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

Số KQ/ Result.No: 20071081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code: TLRP200702991

Ngày/ Date: 23/07/2020

Trang/ Page: 3/4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm Parameter (s)	Kết Quả Result	Đơn Vị Unit	Phương Pháp Thử Test Method	Ghi chú Note
13	Hàm lượng tổng Aflatoxin BG (*)/ Total of Aflatoxin BG (*)	Không phát hiện (LOD = 0.15)/ (Not Detected (LOD = 0.15))	µg/kg	TS-KT-SK-38 (HPLC-RF)	
14	BVTV Họ Chlor hữu cơ/ Group of Organochlorine Pesticides ^(*)	Không phát hiện (LOD = 0.01) (Not detected (LOD = 0.01)	mg/kg	TS-KT-SK-14 (GC-MS/MS)	
15	Group of Organophosphates Pesticides/ BVTV Họ Lân hữu cơ ^(*)	Không phát hiện (LOD = 0.01) (Not detected (LOD = 0.01)	mg/kg	TS-KT-SK-14 (GC-MS/MS)	
16	BVTV Họ Cúc/ Group of Pyrethroids Pesticides ^(*)	Không phát hiện (LOD = 0.01) (Not detected (LOD = 0.01)	mg/kg	TS-KT-SK-14 (GC-MS/MS)	

Chú thích/ Remarks:

(¹): Các thuốc BVTV (phụ lục đính kèm) nếu không được liệt kê bên trên thì có kết quả dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Tested items (attached list) have their result under the method's limit of detection, unless listed above.

1. (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận. (ISO/IEC 17025:2017)/ Items are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ, LOD: Giới hạn phát hiện/ Items are tested by subcontractor, LOD: Limit Of Detection

PHỤ LỤC THUỐC BVTV ĐÃ ĐƯỢC KIỂM NGHIỆM TRÊN MẪU:

STT	CHẤT PHÂN TÍCH	LOD (mg/kg)
I.	Pyrethroid Pesticide Residues	
1	Aldrin	0.01
2	α - BHC	0.01
3	β - BHC	0.01
4	γ - BHC	0.01
5	ε - BHC	0.01
6	α - Endosulfan	0.01
7	β - Endosulfan	0.01
8	Endosulfan sulfate	0.01
9	Endrin	0.01

STT	CHẤT PHÂN TÍCH	LOD (mg/kg)
10	Endrin aldehyde	0.01
11	Dieldrin	0.01
12	Heptachlor epoxide	0.01
13	Heptachlor	0.01
14	Methoxychlor	0.01
15	p.p'. DDD	0.01
16	p.p'. DDE	0.01
17	p.p'. DDT	0.01
18	Cis. Chlordane	0.01

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi./ Test results in this test report are valid only for the items tested, coded as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

Số KQ/ Result.No: 20071081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code: TLRP200702991

Ngày/ Date: 23/07/2020

Trang/ Page: 4/4

STT	CHẤT PHÂN TÍCH	LOD (mg/kg)
II.	Organochlorine pesticides residues	
1	Alpha-Lindane (*)	0.01
2	Hexachlorobenzene (*)	0.01
3	Gamma-Lindane (*)	0.01
4	Beta-Lindane (*)	0.01
5	Heptachlor (*)	0.01
6	Aldrin (*)	0.01
7	Heptachlor epoxide (*)	0.01
8	2,4'-DDE (*)	0.01
9	Endosulfan I (*)	0.01
10	4,4'-DDE (*)	0.01
11	Dieldrin (*)	0.01
12	2,4'-DDD (*)	0.01
13	Endrin (*)	0.01
14	Endosulfan II (*)	0.01
15	4,4'-DDD (*)	0.01
16	2,4'-DDT (*)	0.01
17	4,4'-DDT (*)	0.01
18	Chlorobenzilate	0.01
19	Cis-Chlordane	0.01
20	Delta-Lindane	0.01
21	Endosulfan sulfate	0.01
22	Endrin aldehyde	0.01
23	Endrin ketone	0.01
24	Kepone	0.01
25	Methoxychlor	0.01

STT	CHẤT PHÂN TÍCH	LOD (mg/kg)
III.	Organophosphorus Pesticide Residues	
1	Azinphos-methyl	0.01
2	Chlorpyrifos-ethyl	0.01
3	Ethoprophos	0.01
4	Fenchlorphos	0.01
5	Fenitrothion	0.01
6	Fenthion	0.01
7	Merphos	0.01
8	Methacrifos	0.01
9	Methamidophos	0.01
10	Trans-Chlordane	0.01
11	Methidathion	0.01
12	Mevinphos	0.01
13	Led	0.01
14	Omethoate	0.01
15	Parathion	0.01
16	Phosphamidon	0.01
17	Phorate	0.01
18	Pirimifos-methyl	0.01
19	Pirimifos-ethyl	0.01
20	Profenofos	0.01
21	Prothiophos	0.01
22	Stirophos	0.01
23	Chlorpyrifos (*)	0.01
24	Sulprofos	0.01
25	Trichlorfon	0.01
26	Diazinon (*)	0.01
27	Parathion methyl (*)	0.01



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi./ Test results in this test report are valid only for the items tested, coded as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.